TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/DS-ST
Ngày 13-9-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Lý.

2. Ông Bùi Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 13-9-2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2017/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2017/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hồ Thanh M, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp An Thọ, xã An Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1965 địa chỉ: Ấp An Thọ, xã An Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15-3-2017) (có mặt).

2. Bị đơn: Ngô Thị N, sinh năm 1975.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Văn C (chồng chị N), sinh năm 1972.

Chị N anh C cùng HKTT: Ấp Bắc Trang 2, xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Chổ ở hiện nay: Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22-4-2013, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày: Vào năm 2010 anh Lê Văn C và chị Ngô Thị N mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng Hồ Thanh M cho đến ngày 14-7-2012 cộng sổ lại thì còn thiếu với số tiền 583.463.000đồng.

Đến ngày 10-01-2013 ông M cho anh C, chị N vay số tiền 10.000.000 đồng, hẹn trong vòng 02 tháng sẽ trả. Ngày 02-3-2013, ông M tiếp tục cho anh C chị N mượn 18 chỉ 01 phân 06 ly vàng 18 kara và đến ngày 12-3-2013 ông M cho anh C, chị N vay 300.000.000 đồng, mục đích vay để đáo nợ ngân hàng hẹn vài ngày trả và ông M tiếp tục cho chị N, anh C vay 02 lần tổng cộng là 417.600.000đồng (lần thứ nhất vay 27.000.000đồng, lần thứ hai vay 444.600.000đồng). Đến hạn anh C, chị N không trả nên vào ngày 22-4-2013, ông M khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng yêu cầu anh C và chị N trả tiền mua vật tư nông nghiệp và tiền vay còn thiếu tổng cộng là 1.365.065.000đồng, tiền lãi là 122.850.000đồng và 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara.

Ngày 04-6-2013, ông M thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu một mình chị Ngô Thị N trả nợ, không yêu cầu anh Lê Văn C cùng liên đới trả nợ.

Ngày 25-7-2013, tại phiên hòa giải người đại diện theo ủy quyền của ông M là bà Trần Thị L không yêu cầu chị N trả tiền vay của hai lần tổng cộng là 417.600.000đồng như đã trình bày trong đơn khởi kiện và đồng thời bà cho rằng việc cộng sổ chị N và anh C mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là vào ngày 30-5-2010 không phải là ngày 14-7-2012. Vì vậy, ông M yêu cầu chị Ngô Thị N trả tiền mua vật tư nông nghiệp và tiền vay tổng cộng gốc, lãi là 1.110.655.000đồng và 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara cụ thể như sau:

+ Tiền mua vật tư nông nghiệp với số tiền gốc là 583.463.000đồng, tiền lãi 201.732.332đồng (583.463.000đồng x 30 tháng 22 ngày x 1.125%/tháng (từ ngày 01-01-2011 đến ngày 23-7-2013)).

+ Tiền vay gốc 300.000.000đồng và tiền lãi là 14.737.500đồng (300.000.000đồng x 1.125%/tháng x 4 tháng 11 ngày (từ ngày 12/3/2013 đến ngày 23/7/2013)).

+ Tiền vay gốc 10.000.000đồng và tiền lãi là 723.750đồng (10.000.000đồng x 6 tháng 13 ngày (từ ngày 10/01/2013 đến ngày 23/7/2013)).

Đối với 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara thì không yêu cầu tính lãi.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25-7-2013, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 77/2013/QĐST-DS ngày 02-8-2013.

Trong quá trình thi hành án do tài sản của anh C không được thi hành để đảm bảo trả nợ cho ông M, nên ông M, chị N làm đơn khiếu nại yêu cầu Giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên. Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh Quyết định giám đốc thẩm số: 144/2016/DS-GĐT ngày 09-8-2016 hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 77/2013/QĐST-DS ngày 02-8-2013 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định.

Nay, ông Hồ Thanh M yêu cầu ghi nhận sự tự nguyện giữa ông với chị N và anh C cụ thể: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C liên đới trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu gốc là 583.463.000đồng, tiền lãi 201.732.332đồng, số tiền vay tổng cộng: gốc là 310.000.000đồng, lãi là 15.461.250đồng. Như vậy, tổng cộng tiền gốc và lãi là 1.110.655.000đồng và 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara không yêu cầu tính lãi cho ông Hồ Thanh M theo như biên bản hòa giải ngày 25-7-2013, còn thời gian từ sau ngày hòa giải cho đến nay thì ông M không yêu cầu tính lãi và thống nhất thỏa thuận giá vàng 18 kara là 2.470.000đồng/01chỉ.

- Lời trình bày của bị đơn là Ngô Thị N có trong hồ sơ vụ án như sau: Qua lời yêu cầu của ông M thì chị N thống nhất. Chị N thừa nhận cùng anh C có mua vật tư nông nghiệp và vay mượn còn nợ ông M với số tiền gốc, lãi tổng cộng là 1.110.655.000đồng và 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara, nay ông M yêu cầu thì chị N và anh C thống nhất liên đới trả và chị N thống nhất khấu trừ số tiền

11.615.500đồng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009122 ngày 13-3-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đối với số tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này và thống nhất thỏa thuận giá vàng 18 kara là 2.470.000đồng/01chỉ. Đồng thời chị N yêu cầu số tài sản của vợ chồng chị N mà Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đã thi hành phải trả lại cho chị N để chị N bán trả đều cho các chủ nợ.

- Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn C có trong hồ sơ vụ án như sau: Thống nhất lời trình bày của chị Ngô Thị N, đồng ý cùng chị N liên đới trả nợ mua vật tư nông nghiệp và vay mượn gốc, lãi tổng cộng là 1.110.655.000đồng và 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara. Ngoài ra anh C yêu cầu số tài sản của vợ chồng anh C mà Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đã thi hành phải trả lại cho vợ chồng anh C, để vợ chồng anh C bán trả đều cho các chủ nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Bị đơn Ngô Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N và anh C là đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, phù hợp với sự tự nguyện của bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm bị đơn Ngô Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt lần thứ ba không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngô Thị N và Lê Văn C là đúng theo quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của ông Hồ Thanh M về việc yêu cầu chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C liên đới trả số tiền nợ mua vật tư nông nghiệp gốc 583.463.000đồng, tiền vay gốc tổng cộng 310.000.000đồng và 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào các biên nhận 10-01-2013, ngày 02-3-2013, ngày 12-3-2013 và sổ theo dõi mua vật tư nông nghiệp, biên nhận do anh C và chị N trực tiếp ký nhận, anh C chị N cũng thừa nhận việc này, từ đó cho thấy các biên nhận và việc mua bán vật tư nông nghiệp là có thật và được hai bên thừa nhận theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với tiền lãi: Tại đơn khởi kiện và tại các phiên hòa giải ngày 25-7-2013, ngày 04-5-2017 ông M yêu cầu chị N và anh C trả tiền lãi tổng cộng là 217.193.000đồng, còn thời gian từ sau khi hòa giải (vào ngày 25-7-2013) cho đến nay thì ông M không yêu cầu tính lãi, cụ thể tiền lãi:

+ Tiền mua vật tư nông nghiệp với số tiền gốc là 583.463.000đồng, tiền lãi 201.732.332đồng (583.463.000đồng x 30 tháng 22 ngày x 1.125%/tháng (từ ngày 01-01-2011 đến ngày 23-7-2013)).

+ Tiền vay gốc 300.000.000đồng và tiền lãi là 14.737.500đồng (300.000.000đồng x 1.125%/tháng x 4 tháng 11 ngày (từ ngày 12/3/2013 đến ngày 23/7/2013)).

+ Tiền vay gốc 10.000.000đồng và tiền lãi là 723.750đồng (10.000.000đồng x 6 tháng 13 ngày (từ ngày 10/01/2013 đến ngày 23/7/2013)).

Đối với 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara, không yêu cầu tính lãi, anh C và chị N thống nhất nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M về tiền lãi.

Từ nhận định trên, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Thanh M. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông M với chị N và anh C cụ thể: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C đồng ý liên đới trả cho ông M tiền nợ vật tư nông nghiệp và tiền vay tổng cộng gốc, lãi là 1.110.655.000đồng (một tỷ một trăm mười triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara, không tính lãi.

Đối với ý kiến của chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C về việc yêu cầu số tài sản của vợ chồng anh C và chị N mà Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đã thi hành phải trả lại cho anh, chị để anh, chị bán trả đều cho các chủ nợ. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung yêu cầu của anh C, chị N không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 25-7-2013 bị đơn Ngô Thị N đã nộp đơn xin miễn một phần tiền án phí dân sự (kèm theo đơn là đơn xin xác nhận gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được UBND xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xác nhận vào ngày 25-7-2013). Ngày 13-3-2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý sơ thẩm lại theo Quyết định giám đốc thẩm số: 144/2016/DS-GĐT ngày 09-8-2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 26-4-2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng yêu cầu chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C nộp đơn xác nhận lại hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nhưng anh C, chị N không nộp, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, mà cho rằng tùy Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết miễn, giảm án phí dân sự sơ thẩm cho anh C, chị N.

Ngoài ra, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giá vàng 18 kara giữa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị L với anh Lê Văn C và chị Ngô Thị N là 2.470.000đồng/01chỉ.

Do chấp nhận yêu cầu của ông M. Do đó, anh C và chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.665.306đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí 11.615.500đồng mà chị Ngô Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009122 ngày 13-3-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy, chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C còn phải chịu 35.049.500đồng (lấy tròn) (ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng) theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án.

Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, 92, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 357, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 428, 438, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Hồ Thanh M với chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C cụ thể như sau: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C đồng ý liên đới trả cho ông Hồ Thanh M số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ, tiền vay tổng cộng gốc, lãi là 1.110.655.000đồng (một tỷ một trăm mười triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng) trong đó gồm:

+ Tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ gốc là 583.463.000đồng, tiền lãi là 201.732.332đồng.

+ Tiền vay gốc 300.000.000đồng, tiền lãi là 14.737.500đồng.

+ Tiền vay gốc 10.000.000đồng, tiền lãi là 723.750đồng.

Và 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara, không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C liên đới chịu 46.665.306đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí 11.615.500đồng mà chị Ngô Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009122 ngày 13-3-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy, chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C còn phải liên đới chịu 35.049.500đồng (lấy tròn) (ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Ông Hồ Thanh M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông M 23.368.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên

lai thu số: BN/2013: 03390, ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng (do Huỳnh Văn H nộp thay).

Đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 13-9-2017). Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Văn Cư